

Hồ Chí Minh với vấn đề hợp tác khoa học - kỹ thuật với nước ngoài để phát triển kinh tế chấn hưng đất nước

TS. ĐINH QUỐC THẮNG

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; Email: thangdieuduong@yahoo.com.vn

Tóm tắt: Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về hợp tác khoa học - kỹ thuật với nước ngoài, trước hết là để phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Nước ta còn nghèo, lạc hậu, trình độ kinh tế, khoa học - kỹ thuật còn thấp xa so với nhiều nước trên thế giới. Vì thế, Việt Nam phải mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài để học tập, để tiếp thu kinh nghiệm của họ, để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; khoa học kỹ thuật; phát triển kinh tế.

1. Hồ Chí Minh với vấn đề hợp tác khoa học - kỹ thuật với nước ngoài

Năm 1946, khi trả lời các nhà báo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ ràng: Việt Nam chưa có đủ những điều kiện để xây dựng chủ nghĩa cộng sản và theo Người: □ Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình. Ở nước chúng tôi, những điều kiện ấy chưa có đủ⁽¹⁾.

Để có đủ điều kiện ấy Việt Nam phải hợp tác quốc tế và hội nhập với các nước. Ngay từ khi mới giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ Cộng hòa đã chủ động mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới. Trong thư gửi Liên Hợp Quốc năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: □ nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay, đường xá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi hợp tác tổ chức kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên Hợp Quốc⁽²⁾.

Nhưng do hoàn cảnh lịch sử, chiến tranh xảy ra liên tiếp, tư tưởng này chưa được cụ thể hóa một cách đầy đủ. Song, có thể thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ kinh tế đối ngoại đã thể hiện rõ:

- Thiện chí tốt đẹp của Việt Nam - □ Sẵn sàng làm bạn với các nước trong cộng đồng thế giới □ xuất phát từ yêu cầu nội tại của đất nước - □ thêm bạn bớt thù □

- Hợp tác kinh tế là phương thức để thực hiện các quan hệ kinh tế quốc tế - những mối quan hệ về tài chính, kinh tế, khoa học - kỹ thuật giữa các quốc gia trên thế giới, một cách chủ động và tích cực.

- Các hình thức của quan hệ kinh tế đối ngoại: hợp tác khoa học - kỹ thuật, đầu tư trực tiếp nước ngoài, phát triển các dịch vụ giao thông vận tải.

- Hội nhập kinh tế quốc tế. Việc tham gia các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, thiết lập quan hệ thương mại, đầu tư, khoa học - kỹ thuật với từng nước, có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, để khai thác □ kỹ nghệ □ của các nước thì có thể và cần thiết phải hợp tác với các nước, kể cả những nước không cùng chế độ chính trị - xã hội thậm chí cả với nước đã từng xâm lược nước ta. Do đó, theo Người chính sách đối ngoại của Việt Nam là □ làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai⁽³⁾.

Ngay sau cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã nghĩ đến việc hợp tác với Mỹ. Trong Thư gửi Bộ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ ngày 1/11/1945, Hồ Chí Minh đã đề nghị: □ Nhân danh hội văn hóa Việt Nam, tôi xin được bày tỏ nguyện vọng của Hội được gửi một phái đoàn khoảng năm mươi thanh niên Việt Nam sang Mỹ với ý định một mặt thiết lập những mối quan hệ văn hóa thân thiết với thanh niên Mỹ, và mặt khác để xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác⁽⁴⁾.

Cũng trong lần trả lời các nhà báo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ thái độ của chính phủ Việt Nam khi mới giành được độc lập: Có thể rằng: Chúng ta hoan nghênh những người Pháp muốn đem tư bản vào xứ ta khai thác những nguồn nguyên liệu chưa có ai khai thác. Có

thể rằng: Chúng ta sẽ mời những nhà chuyên môn Pháp, cũng như Mỹ, Nga hay Tàu, đến đây giúp việc cho chúng ta trong cuộc kiến thiết quốc gia. Trong lời kêu gọi Chính phủ và nhân dân Pháp ngày 10/1/1947 Hồ Chí Minh khẳng định: [Chúng tôi bao giờ cũng muốn kiến thiết lại nước chúng tôi với sự giúp đỡ của tư bản và các nhà chuyên môn Pháp để mưu lợi ích chung cho cả hai dân tộc⁽⁶⁾.

Trong bài viết nhân ngày quốc khánh lần thứ 10 nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người viết: [Đối với nước Pháp, chúng ta sẽ cố gắng lập lại mối quan hệ kinh tế và văn hóa trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên đều có lợi. Chúng ta đoàn kết với nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới⁽⁶⁾, [Giữa nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nước Nhật Bản, mặc dù chính phủ Nhật Bản hiện nay đang áp dụng một chính sách không thân thiện đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chúng tôi đã cố gắng duy trì những quan hệ buôn bán giữa Việt Nam và một số công ty Nhật Bản. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mong muốn nhân dân hai nước luôn có quan hệ tốt và ngày càng phát triển⁽⁷⁾.

Hồ Chí Minh nêu rõ các nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về kinh tế, khoa học - kỹ thuật [là trên cơ sở thật thà, dân chủ và cùng có lợi, chống lại mọi biểu hiện có tính chất thù đoạn, để dẫn tới sự can thiệp và thôn tính lẫn nhau. Người viết: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ thân thiện hợp tác với bất kỳ nước nào trên nguyên tắc tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không can thiệp nội trị của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và chung sống hòa bình. Chúng tôi tin chắc rằng sự hợp tác đó sẽ có lợi cho cả đôi bên và có lợi cho công cuộc hòa bình toàn thế giới⁽⁸⁾.

Cũng theo Hồ Chí Minh, sự giúp đỡ của các nước anh em là một nguồn vốn quý, phải biết trân trọng và sử dụng cho có hiệu quả để tăng năng lực sản xuất của ta. Người viết: Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng của ta phát triển khả năng của ta⁽⁹⁾.

2. Sự cần thiết và nội dung của hợp tác quốc tế về khoa học - kỹ thuật và công nghệ

Nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, do đó việc thúc đẩy hợp tác khoa học - kỹ thuật và công nghệ thu hút các nguồn vốn, kỹ thuật từ nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là một nhiệm vụ bức bách, mang tính khách quan đã được

khẳng định ngay từ Đại hội lần thứ IV của Đảng (năm 1976); [đã không ngừng mở rộng phân công và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, đẩy mạnh các hoạt động ngoại thương, đó là đòi hỏi khách quan của thời đại⁽¹⁰⁾ Đại hội lần thứ VI của Đảng với đường lối đổi mới, mở cửa đã tạo ra bước ngoặt quan trọng trong chính sách và quan hệ đối ngoại của nước ta nói chung, quan hệ kinh tế đối ngoại (có sự hợp tác quốc tế về khoa học - kỹ thuật) nói riêng. Đại hội lần thứ VII, VIII và IX tiếp tục khẳng định và phát triển những tư tưởng của Đại hội VI về phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại. Khi nhấn mạnh: *Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm*, Đại hội lần thứ IX chỉ rõ: [Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam; coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa⁽¹⁰⁾.

Rõ ràng là để xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước ta, tranh thủ được những thành tựu mới về khoa học và công nghệ của thế giới, từng bước phát triển kinh tế tri thức và để cho khoa học và công nghệ làm được vai trò nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một trong những vấn đề quan trọng và cấp bách là phải đẩy mạnh hợp tác khoa học - kỹ thuật và công nghệ nước ngoài.

Hợp tác khoa học - kỹ thuật là một trong số các nội dung và hình thức của quan hệ kinh tế đối ngoại. Hợp tác khoa học - kỹ thuật được thực hiện dưới nhiều hình thức cụ thể như:

- Phối hợp giữa các nước, các tổ chức quốc tế để cùng nhau tiến hành nghiên cứu, sáng chế, thiết kế, thử nghiệm một loại sản phẩm nào đó.

- Chuyển giao công nghệ: nhập các công nghệ dưới dạng sản xuất thử nghiệm chưa có ở Việt Nam, hoặc đang nghiên cứu chưa có kết quả hoặc có giá thấp hơn so với tự nghiên cứu trong nước và xuất ra nước ngoài các dây chuyền công nghệ trong nước tạo ra.

Ngày nay, trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa

công nghệ làm cho công nghệ được áp dụng rộng rãi trên quy mô khu vực và thế giới, nên việc chuyển giao công nghệ từ những nước phát triển sang các nước đang phát triển, từ các công ty mẹ sang các công ty con ở nước ngoài... đang là một trong những hình thức nổi bật của hợp tác khoa học - kỹ thuật và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một kênh quan trọng để thực hiện việc chuyển giao công nghệ vì nó giúp tiết kiệm được thời gian và phương tiện cho việc nghiên cứu triển khai. Mặt khác, chúng ta cần tận dụng xu thế thương mại hóa để mua các sản phẩm công nghệ như: kết quả nghiên cứu - thử nghiệm, sản phẩm kỹ thuật, Licence, các phát minh, sáng chế. Trong xu thế thương mại hóa và cạnh tranh công nghệ, các nước đang phát triển có nhiều cơ hội lựa chọn và tìm kiếm được các công nghệ và sản phẩm công nghệ cần thiết kể cả công nghệ nguồn, với giá cả phù hợp với chất lượng và trình độ công nghệ...

Phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ bao gồm:

- Tăng cường cơ sở vật chất cho các tổ chức nghiên cứu và dịch vụ khoa học, công nghệ.
- Trao đổi chuyển giao.
- Trao đổi thông tin tư liệu khoa học - công nghệ, trao đổi vật mẫu, giống cây, con.
- Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ khoa học - công nghệ dưới hình thức thực tập, khảo sát, tham gia các lớp học, hội nghị, hội thảo, triển lãm
- Thành lập các tổ chức nghiên cứu khoa học - công nghệ quốc tế hỗn hợp tại Việt Nam và tham gia các tổ chức nghiên cứu khoa học - công nghệ ở nước ngoài.
- Thành lập các văn phòng đại diện của các tổ chức khoa học - công nghệ nước ngoài tại Việt Nam.

Hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ là một hoạt động hết sức quan trọng trong sự nghiệp phát triển khoa học - công nghệ của đất nước, qua đó chúng ta tham gia vào việc trao đổi, học tập, thu thập và thẩm định thông tin, cũng như để vươn lên tham gia mạnh mẽ hơn vào phân công lao động quốc tế. Nó là tiền đề và là kết quả của sự phát triển khoa học - công nghệ trong nước, là điều kiện quan trọng đảm bảo cho việc thực hiện các mục tiêu khoa học - công nghệ và phát triển khoa học - công nghệ theo định hướng đã xác định. Đó là sự liên kết có định hướng và có chọn lọc các nguồn lực trong nước với các nguồn lực ngoài nước, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại để phát triển khoa học - công nghệ kinh tế thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập hiện nay, cần

phát huy vai trò quan trọng của hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ đối với sự nghiệp phát triển khoa học - công nghệ, tạo cơ hội tham gia vào các hoạt động quốc tế, đào tạo cán bộ, nắm bắt và theo kịp xu thế phát triển thế giới, từng bước nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế, phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thu hẹp khoảng cách giữa ta với các nước tiên tiến trên thế giới.

Thực tiễn hợp tác khoa học - kỹ thuật với nước ngoài và hội nhập kinh tế quốc tế, đã đem lại cho nước ta những kết quả tích cực.

Một là, nước ta có cơ hội nhiều hơn trong phát triển khoa học - công nghệ thể hiện:

- Địa bàn hoạt động rộng lớn hơn với những đối tác, những kênh chuyển giao công nghệ nhiều hơn, đa dạng hơn và từ đó có nhiều cơ hội, phương án lựa chọn công nghệ phục vụ cho mục tiêu đổi mới công nghệ trong nước.

- Các doanh nghiệp Việt Nam phải đầu tư đổi mới công nghệ mạnh mẽ hơn và ngày càng gia tăng hoạt động công nghệ.

- Nguồn lực nhiều hơn cho phát triển khoa học - công nghệ, tạo điều kiện, cơ hội thuận lợi cho việc phân công, hợp tác lao động về khoa học - công nghệ, cũng như cho việc phát huy thế mạnh, lợi thế so sánh trong hoạt động khoa học - công nghệ, đặc biệt là trong đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực khoa học - công nghệ của nước ta.

Hai là, góp phần thúc đẩy sự phát triển và đổi mới hoạt động khoa học - công nghệ trong nước cho tương hợp và tiếp cận nhanh với hoạt động khoa học - công nghệ quốc tế, thông qua:

- Sức ép áp lực của những chuẩn mực; tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, kiểu dáng mẫu mã sản phẩm và dịch vụ, cũng như các yêu cầu, đòi hỏi tuân thủ các điều kiện về môi trường (ISO 14.000) về xã hội (SA. 8000), HACCP

- Sức ép đối với các quy định về sở hữu trí tuệ.

- Tập trung và hiệu quả hơn trong việc sử dụng các nguồn lực cho phát triển khoa học - công nghệ bằng việc loại bỏ hoặc hạn chế các hướng nghiên cứu và phát triển khoa học - công nghệ ít hiệu quả, ít khả năng cạnh tranh, cũng như thông qua sự chuyển dịch, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất dưới sự tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

- Gắn bó chặt chẽ, thiết thực hơn hoạt động khoa học - công nghệ với các nhu cầu tăng nhanh về tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, bảo vệ môi trường

sinh thái □

Ba là, góp phần rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển của bản thân ngành khoa học - công nghệ, cũng như trình độ công nghệ của nền kinh tế so với trình độ quốc tế và khu vực nếu biết chủ động và tận dụng được ưu thế cạnh tranh với hàng ngoài nhập (trong trường hợp này là công nghệ nhập), cụ thể:

- Bản thân hoạt động khoa học - công nghệ sẽ có sức bật mạnh mẽ hơn do tận dụng được cơ hội và các nguồn lực để bắt kịp trình độ khoa học công nghệ thế giới.

- Sức hút của sản xuất đối với khoa học - công nghệ và quá trình chuyển giao công nghệ trong sản xuất diễn ra mạnh hơn, nhanh hơn dưới tác động của thị trường đang được toàn cầu hóa. Khoa học - công nghệ trong nước có điều kiện tiếp cận và học hỏi công nghệ và thị trường công nghệ trong và ngoài nước.

3. Hợp tác khoa học - kỹ thuật góp phần đáng kể vào việc xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta

Thực hiện chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại (có hình thức hợp tác khoa học - kỹ thuật) và với các nguồn tài trợ, tiềm lực khoa học công nghệ của nước ta đã từng bước được tăng cường đáng kể.

Đã có hơn 200 viện và cơ sở nghiên cứu triển khai được giúp đỡ xây dựng. Nhiều chương trình, dự án nghiên cứu chung giữa các cán bộ khoa học - công nghệ trong nước với các chuyên gia nước ngoài được thực hiện. Nhiều dự án đầu tư của nước ngoài và xí nghiệp liên doanh được thành lập tạo điều kiện cho nhiều cán bộ tiếp xúc với sự phát triển khoa học - công nghệ trên thế giới từ đó nâng cao trình độ của mình và nắm bắt được tiến bộ khoa học - công nghệ trên thế giới.

Nhiều cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ có trình độ cao được đào tạo. Tính riêng sự hợp tác khoa học - kỹ thuật giữa nước ta với Liên Xô trước đây; chẳng hạn: Hợp tác trong lĩnh vực lao động, trước khi Liên Xô tan vỡ và Nga lâm vào khủng hoảng, lúc cao nhất đã có tới 90.000 đến 100.000 lao động Việt Nam làm việc tại Liên Xô. Trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, trước năm 1991, Liên Xô đã đào tạo cho Việt Nam hơn 30.000 người có trình độ đại học và hơn 4.000 phó tiến sĩ và tiến sĩ⁽¹¹⁾. Có thể nói đây là lực lượng lao động có chất lượng cao và là nguồn vốn nhân lực "quý giá" kết quả của hợp tác khoa học - kỹ thuật giữa Liên Xô và Việt Nam, cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta.

Chỉ riêng trong giai đoạn 1975 - 1990, ta đã cử hơn 4.500 cán bộ sang các nước nghiên cứu, học tập trao đổi kinh nghiệm và tiếp nhận khoảng 1.500 chuyên gia nước ngoài⁽¹²⁾. Những con số này ngày càng tăng lên trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Những cán bộ khoa học, công nghệ được đào tạo ở nước ngoài đang là lực lượng "nòng cốt" của nước ta trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Chủ trương hợp tác đầu tư với nước ngoài nhằm tranh thủ vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và thị trường quốc tế phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã được xác định và cụ thể hóa trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ban hành năm 1987 đánh dấu bước khởi đầu quá trình mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

Từ khi ban hành luật đầu tư nước ngoài (năm 1987) thì đến năm 2003, nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm gần 30% vốn đầu tư xã hội, đóng góp khoảng trên 13,3% GDP, 10% tổng thu ngân sách, gần 35% giá trị sản lượng công nghiệp, trên 31% kim ngạch xuất khẩu và thu hút gần 45 vạn lao động trực tiếp và hàng chục vạn lao động gián tiếp khác⁽¹³⁾; đến cuối năm 2004 đã có 66 nước và vùng lãnh thổ với 700 công ty, tập đoàn lớn đã đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Với 6.100 dự án được cấp giấy phép, vốn đăng ký trên 58,0 tỉ USD (tính cả tăng vốn) và vốn thực hiện trên 22 tỷ USD (hiện nay có 5.020 dự án còn hiệu lực, với vốn đăng ký là 45,3 tỷ USD)⁽¹⁴⁾. Thực tế trên cho thấy:

Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần tạo ra bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển lực lượng sản xuất, trước hết trong các ngành công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khách sạn, du lịch và dịch vụ.

- FDI đã góp phần nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế. Nhiều công nghệ mới được du nhập vào Việt Nam; thiết kế chế tạo máy biến thế, lắp ráp ô tô, sản xuất hàng điện tử bằng dây chuyền tự động hóa, công nghệ sản xuất cáp điện, công nghệ thông tin, lắp ráp tổng đài điện thoại tự động kỹ thuật số □ Nhìn chung, các công nghệ du nhập vào nước ta thông qua con đường FDI bằng hoặc cao hơn trình độ công nghệ tiên tiến đã có ở trong nước (nhưng chỉ ngang với trình độ trung bình của các nước trong lĩnh vực). Hoạt động chuyển giao công nghệ đã tạo ra nhiều sản phẩm mới kiểu dáng đẹp, chất lượng đạt tiêu chuẩn Việt Nam và một số đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Xây dựng bước đầu hai khu công nghệ cao tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Một số xí nghiệp công nghệ cao sản xuất được những sản phẩm đầu tiên thuộc ngành điện tử, linh kiện cho máy tính, các tổng đài điện tử, một số thiết bị viễn thông□

- Hợp tác khoa học - kỹ thuật góp phần quan trọng vào tăng trưởng, phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu và thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu □

- Từ khi đổi mới, mở cửa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại (có sự tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học - kỹ thuật), nền kinh tế nước ta có sự tăng trưởng GDP khá cao (8%/năm, có năm đạt 9%).

- Với sự đóng góp tích cực của các nguồn lực ngoài nước (có nguồn lực khoa học - công nghệ), cơ cấu kinh tế nước ta có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ (ngành có hàm lượng công nghệ cao) từ 59,5% năm 1991 lên đến 77% trong năm 2002, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp từ 40,5%, năm 1991 xuống còn 23% năm 2002. Cơ cấu kinh tế vùng cũng đã bắt đầu thay đổi theo hướng hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp tập trung và các khu chế xuất.

- Thông qua sự hợp tác khoa học, kỹ thuật, công nghệ, các doanh nghiệp nước ta từng bước đổi mới công nghệ để đưa sản xuất phát triển với năng suất và chất lượng cao, có những sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao hơn và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường trong nước và thế giới. Chẳng hạn, nhờ ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ mới đã cho ra đời những giống lúa lai mới, có năng suất cao hơn, dễ thích nghi với điều kiện tự nhiên của Việt Nam. Do vậy, đã góp phần đưa nước ta từ chỗ là một nước phải nhập khẩu lương thực trở thành quốc gia xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới.

- Nhờ mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, lĩnh vực xuất - nhập khẩu của nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, về cơ bản đã thực hiện được những chủ trương nêu ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000), góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Sau nhiều năm nỗ lực, đến năm 2012 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa vượt mốc 100 tỷ USD; năm 2017 (sau 5 năm) vượt mốc 200 tỷ USD; năm 2021 (sau 4 năm) vượt mốc 300 tỷ USD. Năm 2024 ghi nhận nhiều kỷ lục quan trọng đối với hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa.

Cơ cấu xuất khẩu đã được cải thiện theo hướng □ tăng

các mặt hàng chế biến, giảm tỷ trọng các sản phẩm thô, tạo một số mặt hàng có khối lượng lớn hơn và thị trường tương đối ổn định□ Tỷ trọng sản phẩm chế biến đã tăng từ 8% vào năm 1991 nên khoảng 40% vào năm 2000. Năm 1991 mới có bốn mặt hàng đạt giá trị xuất khẩu trên 100 triệu USD là dầu thô, thủy sản, gạo và hàng dệt may, nay có thêm 8 mặt hàng nữa.

- Ngày nay có nhiều công nghệ hiện đại, thông qua hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ có thể ứng dụng nó vào sản xuất và có thể khai thác chế biến các tài nguyên chưa được sử dụng, tạo ra nhiều giá trị gia tăng như công nghệ gen, công nghệ tế bào cho phép tạo và nhân nhanh cắt giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ vi sinh tạo điều kiện mở rộng công nghệ chế biến thực phẩm, ứng dụng các công nghệ này sẽ làm cho sản xuất phát triển nhanh và thu hút thêm nhiều lao động, đó là một thực tế nổi bật. Ứng dụng công nghệ mới, công nghệ sạch và môi trường sinh thái là góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững.

Việt Nam là một quốc gia có nguồn tài nguyên thiên nhiên và có lực lượng lao động dồi dào, xong các yếu tố về vốn, trình độ cũng như tay nghề của lực lượng lao động còn nhiều hạn chế, khoa học và công nghệ tụt hậu khá xa so với các nước phát triển. Để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, phải có nền kinh tế phát triển và tiềm lực mạnh về khoa học và công nghệ. Vì thế, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng vai trò động lực của khoa học và công nghệ và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kinh tế đối ngoại, thúc đẩy sự hợp tác quốc tế về khoa học - kỹ thuật góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội hiện đại hóa toàn bộ sự phát triển kinh tế, xã hội công nghệ và tinh thần của đất nước. Việt Nam đã nâng cao thể của mình trên chính trường và thương trường thế giới./.

(1), (2), (4) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. CTQG Sự thật, T.4, tr.272, 470, 80.

(3), (5) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sdd, T.5, tr.220, 19.

(6) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sdd, T.7, tr.430.

(7) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sdd, T.9, tr. 5.

(8) Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nxb. CTQG, T.6, tr.8

(9) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sdd, T.10, tr.56-57.

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. CTQG, H., tr. 91.

(11), (12), (13), (14) Đề tài KX:01-05: Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (2005), H., tr.47,48,49,119.